**Mẫu 2.4**

**MẪU KẾ HOẠCH 5 NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải)*

**KẾ HOẠCH 5 NĂM**  
**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

[*Tên cơ sở*] báo cáo kế hoạch 5 năm [từ năm N đến năm N+4] Ngày lập báo cáo […/…/….]

Mã số ID: [*Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp*]

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | *[Dành cho Sở Công Thương ghi]* |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | *[Dành cho Sở Công Thương ghi]* |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn ……………………………………………………

Tên cơ sở: ………………………………………………………………….……

Mã số thuế: ………………………………………………………………….……

Địa chỉ: …………………………………………………… [Tên Huyện ....]  [Tên Tỉnh…. ]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ……………………………………………….

Điện thoại: …………………………Fax: …………………………, Email: …………………………

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ……………………………………………………

Địa chỉ: …………………………………………………… [Tên Huyện ....]  [Tên Tỉnh……..]

Điện thoại: …………………… Fax: …………………………, Email: …………………………

Chủ sở hữu: *(Nhà nước/thành phần kinh tế khác)*

**I. Thông tin về cơ sở và hoạt động**

**1.1. Năng lực sản xuất hiện tại**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lực phương tiện của cơ sở** | | | | |
| **Loại phương tiện** | **Số lượng** *(chiếc)* | **Loại nhiên liệu** | **Năng lực vận chuyển/năm** | |
| *H.khách x km* | *Tấn x km* |
| Xe taxi |  |  |  |  |
| Xe buýt |  |  |  |  |
| Xe ô tô khách (trừ xe taxi và xe buýt) |  |  |  |  |
| Xe ô tô tải các loại |  |  |  |  |
| Tàu hỏa |  |  |  |  |
| Tàu biển |  |  |  |  |
| Phương tiện thủy nội địa |  |  |  |  |
| Tàu bay |  |  |  |  |
| Phương tiện khác |  |  |  |  |

*(Các nội dung khác theo Mẫu 2.1, mục: 1.2; II)*